TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2023/HS-ST Ngày: 16/8/2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Hùng
2. Bà Nguyễn Hoàng Liên

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái: Ông Nguyễn Công Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 02/8/2023 đối với với các bị cáo:

1. Trần Văn L sinh ngày 06/01/1996. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Trần Thị N; có vợ là Đặng Thị T và 02 người con (lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/9/2014 bị Công an huyện V, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại đến sức khoẻ người khác" tại quyết định số 67/QĐ-XPVPHC ngày 03/9/2014; ngày 28/9/2018 bị Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 40/2018/HS-PT. Bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính và bản án Hình sự nêu trên. Bị cáo đã được xoá tiền án, tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2023 đến ngày 22/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

2. Đỗ Văn D sinh ngày 14/01/1985. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Hà Thị D và 02 người con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2023 đến ngày 22/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

3. Nguyễn Văn V sinh ngày 05/5/1983. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị O và 01 người con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2023 đến ngày 22/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

4. Trần Đức N sinh ngày 20/5/1987. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình P (đã chết) và bà Lê Thị V (đã chết); có vợ là Trần Thị T (đã ly hôn) và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2023 đến ngày 22/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

5. Nguyễn Thanh S sinh ngày 01/7/1988. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 người con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2023 đến ngày 22/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

6. Trần Văn T sinh ngày 26/8/1982. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V và bà Trần Thị P; có vợ là Trần Thị M và 03 người con (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2023 đến ngày 22/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

7. Phạm Thanh T sinh ngày 06/3/1993. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn I, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Trần Thị T; có vợ là Trần Thị H và 02 người con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 23/5/2023 tạm giam kể từ ngày 26/5/2023. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 15/02/2023 Trần Văn L gọi điện rủ Trần Đức N; Đỗ Văn D; Trần Văn T đến nhà mình để đánh bạc. Khi Trần Văn T nghe điện thoại của L thì đang ngồi uống nước với Nguyễn Văn V và Nguyễn Thanh S đều trú tại thôn A, xã Đ, huyện V nên T rủ V và S đi đánh bạc cùng. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày 05 người gồm D, V, N, S và T đến nhà L và đi xuống bếp, L trải chiếu ra nền bếp và lấy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài L đã chuẩn bị từ trước đưa cho mọi

người để đánh bạc bằng hình thức đánh "Liêng" được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Do thấy đã có nhiều người chơi nên L không tham gia cùng mà ngồi xem và nói "nếu ai mà thắng được nhiều thì cho xin ít tiền mua bài" mọi người đồng ý và thống nhất nếu ván nào ai thắng được nhiều sẽ bỏ ra 50.000 đồng, đến khi nào nghỉ thì sẽ đưa tiền cho L. Khi các đối tượng đang đánh bạc thì L gọi điện rủ thêm Nguyễn Tuấn A, Phạm Thanh T cùng trú tại thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái đến tham gia đánh bạc cùng.

Đến 01 giờ 15 phút, ngày 16/02/2023 khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Công an huyện V phát hiện bắt quả tang Trần Văn L, Nguyễn Văn V, Đỗ Văn D bị bắt giữ tại chỗ còn các đối tượng khác bỏ chạy. Thu giữ tại nơi các đối tượng đánh bạc gồm: 01 chiếu cói; 52 quân bài tú lơ khơ; Tổng số tiền 20.940.000 đồng (trong đó thu giữ tại chiếu bạc số tiền 1.500.000 đồng; thu giữ tại khu vực sân trước gần tường rào vị trí bắt giữ Trần Văn L số tiền 5.100.000 đồng; thu giữ trên người Nguyễn Văn V số tiền 5.040.000 đồng; thu giữ trên người Đỗ Văn D số tiền 8.500.000 đồng; thu giữ trên nền nhà nơi các đối tượng đánh bạc số tiền 300.000 đồng; thu giữ tại khu vực sân, gần vị trí bắt giữ Đỗ Văn D số tiền 500.000đồng).

Cùng ngày Trần Đức N, Nguyễn Thanh S và Trần Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để làm việc. Ngày 22/5/2023 Phạm Thanh T bị bắt theo quyết định truy nã, riêng Nguyễn Tuấn A không xác định được đang ở đâu. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra N, S, T và T khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc vào đêm ngày 15 rạng sáng ngày 16/02/2023 tại nhà của Trần Văn L.

Cách thức các đối tượng đánh bạc như sau: Mỗi ván bài người chơi sẽ phải đóng vào "Tẩy" (hay còn gọi là "Gà") số tiền 50.000 đồng, sau đó chia đều cho mỗi người chơi 03 lá bài, những người chơi tự tính điểm nếu thấy bài của mình nhỏ không thể thắng thì người chơi có thể chọn úp bài, nếu thấy bài của mình có thể thắng thì bắt đầu "Tố" (đặt thêm tiền cược) mỗi lần tố không quá 200.000 đồng và mỗi ván bài chỉ được tố tối đa 03 lần, trường hợp nếu một người sau khi tố mà không có ai "theo bài" (đặt tiền theo người tố) thì người tố là người thắng, trường hợp có người theo bài hoặc tố lớn hơn thì hết 03 lần tố sẽ so sánh bài với nhau bài lớn nhất là "Sáp" nghĩa là bài có 03 lá giống nhau, khi nhiều người chơi có sáp thì ai có sáp cao hơn sẽ thắng, thứ tự tăng dần từ 2 đến A, tiếp theo là "Liêng" nghĩa là có 03 lá bài nối tiếp nhau, liêng nhỏ nhất là A, 2, 3 và liêng cao nhất là Q, K, A khi có nhiều người chơi cùng liêng thì ai có liêng cao hơn sẽ thắng, trường hợp liêng giống nhau thì phân thắng thua bằng lá bài có chất cao nhất theo thứ tự Rô, Cơ, Tép, Bích, tiếp theo là "Ảnh" là bộ bài có 03 lá bài là các quân bài có hình đầu người (J, Q, K) trường hợp nhiều người chơi có bộ bài cùng quân bài giống nhau thì phân thắng thua bằng lá bài có chất cao nhất theo thứ tự Rô, Cơ, Tép, Bích, nếu không ai có "Sáp" có "Liêng" có "Ảnh" thì tính điểm bằng cách cộng các lá bài với nhau (các lá bài 10, J, Q, K = 0 điểm) lấy số hàng đơn vị từ 0 điểm đến 9 điểm để xác định người thắng, trường hợp có nhiều bài có điểm bằng nhau thì phân thắng thua theo lá bài có chất cao nhất theo thứ tự Rô, Cơ, Tép, Bích. Người thắng thì sẽ được thu toàn bộ số tiền đã đặt cược và tiền "Tố" trong ván chơi đó.

Căn cứ vào kết quả điều tra xác định:

Nguyễn Văn V sử dụng số tiền 3.800.000đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang V đang thắng và bị thu giữ số tiền 5.040.000đồng;

Đỗ Văn D sử dụng số tiền 7.100.000đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang D đang thắng và bị thu giữ trên người 8.500.000đồng. Số tiền 500.000 đồng thu tại vị trí bắt giữ D, D khai nhận là tiền của D.

Nguyễn Thanh S sử dụng số tiền 700.000đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang S bỏ chạy mang theo số tiền 350.000đồng và đã chi tiêu hết.

Trần Văn T sử dụng số tiền 500.000đồng để đánh bạc và thua hết, khi bị bắt quả tang T bỏ chạy.

Trần Đức N sử dụng số tiền 1.500.000đồng để đánh bạc khi bị bắt quả tang N cầm theo tiền bỏ chạy và bị rơi hết nên không biết số tiền cầm theo khi bỏ chạy là bao nhiêu, đang thắng hay thua.

Phạm Thanh T sử dụng số tiền 600.000đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang T bỏ chạy mang theo số tiền 370.000đồng và đã chi tiêu hết.

Đối với Nguyễn Tuấn A hiện đang bỏ trốn, nên không xác định được số tiền Tuấn A sử dụng vào việc đánh bạc là bao nhiêu.

Đối với số tiền 5.100.000đồng thu giữ tại khu vực sân, gần vị trí bắt giữ Trần Văn L quá trình điều tra xác định là tiền của L, tuy nhiên không chứng minh được số tiền này có sử dụng vào mục đích đánh bạc hay không.

Như vậy, tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là: 16.560.000đồng, gồm: 1.500.000đồng thu giữ tại chiếu bạc; 5.040.000đồng thu giữ trên người Nguyễn Văn V, 8.500.000đồng thu giữ trên người Đỗ Văn D; 300.000đồng thu giữ trên nền nhà gần nơi các đối tượng đánh bạc; 500.000đồng thu giữ tại khu vực sân, gần vị trí bắt giữ Đỗ Văn D; 350.000đồng Nguyễn Thanh S cầm theo khi bỏ chạy và 370.000đồng Phạm Thanh T cầm theo khi bỏ chạy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trưng cầu giám định đối với số tiền đã thu giữ, tại Bản kết luận giám định số 158, ngày 17/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: 21 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, 12 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng, 14 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng; 128 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng gửi giám định đều là tiền thật; Số tiền gửi giám định là 20.940.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS-VY ngày 04/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố các bị cáo Trần Văn L; Đỗ Văn D; Trần Đức N; Trần Văn T; Nguyễn Văn V; Nguyễn Thanh S; Phạm Thanh T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn L; Đỗ Văn D; Trần Đức N; Trần Văn T; Nguyễn Văn V; Nguyễn Thanh S; Phạm Thanh T phạm tội " Đánh bạc". Và đề nghị Hội đồng xét xử đối với từng bị cáo như sau:

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn L 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đức N 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 06 tháng đến 09 tháng tù. Phạt 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

*** Về vật chứng vụ án:** Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền: 15.840.000đồng (1.500.000đồng thu giữ tại chiếu bạc; 5.040.000đồng thu giữ trên người Nguyễn Văn V, 8.500.000đồng thu giữ trên người Đỗ Văn D; 300.000đồng thu giữ trên nền nhà gần nơi các đối tượng đánh bạc; 500.000đồng thu giữ tại khu vực sân, gần vị trí bắt giữ Đỗ Văn D).

- Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền: 350.000đồng của bị cáo Nguyễn Thanh S.

- Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền: 370.000đồng của bị cáo Phạm Thanh T.

- Trả lại: Bị cáo Trần Văn L số tiền: 5.100.000đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: Các công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội của các bị cáo không còn giá trị bao gồm: 01 (một) chiếu cói và 52 quân bài tú lơ khơ; 06 phong bì sau khi mở niêm phong đối với số tiền 20.940.000đồng.

*** Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án. Các bị cáo Trần Văn L; Đỗ Văn D; Trần Đức N; Trần Văn T; Nguyễn Văn V; Nguyễn Thanh S; Phạm Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Trần Văn L; Đỗ Văn D; Trần Đức N; Trần Văn T; Nguyễn Văn V; Nguyễn Thanh S; Phạm Thanh T không tranh luận và tự bào chữa gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái và Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa các bị cáo đã khai phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án đã thu giữ, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Đêm ngày 15 rạng sáng ngày 16/02/2023 các bị cáo Đỗ Văn D; Trần Đức N; Trần Văn T; Nguyễn Văn V; Nguyễn Thanh S; Phạm Thanh T cùng nhau đánh bạc bằng hình thức đánh "Liêng" được thua bằng tiền Việt Nam đồng tại nhà của bị cáo Trần Văn L tại thôn H, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Đến 01 giờ 15 phút ngày 16/02/2023 thì bị Công an huyện Văn Yên phát hiện bắt quả tang. Thu giữ 01 chiếu cói, 52 quân bài tú lơ khơ và tổng số tiền 20.940.000 đồng. Trong đó số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là: 16.560.000 đồng (gồm: 1.500.000đồng thu giữ tại chiếu bạc; 5.040.000đồng thu giữ trên người Nguyễn Văn V; 8.500.000đồng thu giữ trên người Đỗ Văn D; 300.000đồng thu giữ trên nền nhà gần nơi đánh bạc; 500.000đồng thu giữ tại khu vực sân gần vị trí bắt giữ Đỗ Văn D; 350.000đồng Nguyễn Thanh S cầm bỏ chạy và 370.000đồng Phạm Thanh T cầm theo khi bỏ chạy). Hành vi đánh bạc của các bị cáo Đỗ Văn D; Trần Đức N; Trần Văn T; Nguyễn Văn V; Nguyễn Thanh S; Phạm Thanh T đã phạm vào tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn L tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng bị cáo khởi xướng và đã sử dụng chỗ ở của mình và chuẩn bị công cụ cho các bị cáo khác đánh bạc với mục đích thu lời bất chính nên vai trò của bị cáo là "giúp sức" trong vụ án. Hành vi này của bị cáo Trần Văn L đã phạm vào tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 21/CT-VKS-VY ngày 04/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Xét vai trò đồng phạm, tích chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tính chất quy mô và số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc không lớn. Các bị cáo Đỗ Văn D, Trần Đức N, Trần Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh T có hành vi đánh bạc tại nhà Trần Văn L. Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đánh bạc của mình. Đối với Trần Văn L tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng bị cáo đã sử dụng chỗ ở của mình và chuẩn bị công cụ cho 07 bị cáo đánh bạc với mục đích thu lời bất chính nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò "giúp sức" trong vụ án. Khi quyết định hình phạt cần phải căn cứ vào quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp quy định pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Mặc dù nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, mục đích nhằm thu lợi bất chính phục vụ nhu cầu của bản thân.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Trần Văn L có 01 tiền án và 01 tiền sự đã được xoá tiền án, xoá tiền sự. Các bị cáo Đỗ Văn D, Trần Đức N, Trần Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh T có nhân thân tốt và chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa 07 bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng.

Hành vi đánh bạc của bị cáo Đỗ Văn D, Trần Đức N, Trần Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh T là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy 06 bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn L trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện trong quá trình tại ngoại bị cáo đã giúp lực lượng Công an phát hiện tội phạm nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đỗ Văn D có bố đẻ là ông Đỗ Văn V là người có công với cách mạng, được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Do vậy bị cáo D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy phải có một mức án phù hợp với từng bị cáo.

Bị cáo Phạm Thanh T đã bỏ trốn và bị Cơ quan điều tra bắt theo Quyết định truy nã. Do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bi cáo Trần Văn L phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và với vai trò "giúp sức", có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng và có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đỗ Văn D, Trần Đức N, Trần Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thanh S đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo đều có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Trần Văn L, Đỗ Văn D, Trần Đức N, Trần Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thanh S ra khỏi xã hội cũng có thể giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân tốt có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng* ...". Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo Trần Văn L; Đỗ Văn D; Trần Đức N; Trần Văn T; Nguyễn Văn V; Nguyễn Thanh S; Phạm Thanh T gia đình không thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Do vậy cần phạt các bị cáo một khoản tiền nộp ngân sách Nhà Nước.

[9] Đối với bị can Nguyễn Tuấn A không xác định được hiện nay đang ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên đã ra Quyết định truy nã và Quyết định tách vụ án hình sự đối với bị can Nguyễn Tuấn A, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[10] Về vật chứng của vụ án: Đối với khoản tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần được xử lý như sau:

* Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền: 15.840.000đồng. Trong đó: (1.500.000đồng thu giữ tại chiếu bạc; 5.040.000đồng thu giữ trên người Nguyễn Văn V, 8.500.000đồng thu giữ trên người Đỗ Văn D; 300.000đồng thu giữ trên nền nhà gần nơi các đối tượng đánh bạc; 500.000đồng thu giữ tại khu vực sân, gần vị trí bắt giữ Đỗ Văn D).

* Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền: 350.000đồng của bị cáo Nguyễn Thanh S.

* Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền: 370.000đồng của bị cáo Phạm Thanh T.

***** Trả lại: Bị cáo Trần Văn L số tiền: 5.100.000đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) không liên quan đến vụ án nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* Tịch thu tiêu hủy: Các công cụ phương tiện liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo không còn giá trị bao gồm: 01 chiếu cói; 52 quân bài tú lơ khơ; 06 phong bì sau khi mở niêm phong đối với số tiền 20.940.000đồng.

[11] Về án phí: Các bị cáo Trần Văn L; Đỗ Văn D; Trần Đức N; Trần Văn T; Nguyễn Văn V; Nguyễn Thanh S; Phạm Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn L; Đỗ Văn D; Nguyễn Văn V; Trần Đức N; Nguyễn Thanh S; Trần Văn T; Phạm Thanh T phạm tội " Đánh bạc".

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

2.1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn L cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Trần Văn L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Trần Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Đỗ Văn D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Đỗ Văn D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 08 (tám) tháng tù

nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn V cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Nguyễn Văn V có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Văn V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.4. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đức N 07 (bẩy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Đức N cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Trần Đức N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Trần Đức N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.5. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh S cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Nguyễn Thanh S có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thanh S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.6. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Trần Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.7. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/5/2023.

Phạt bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

*** Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước** số tiền: 15.840.000đồng (Mười lăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

* Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền: 350.000đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Thanh S.

* Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền: 370.000đồng (Ba trăm bẩy mươi nghìn đồng) của bị cáo Phạm Thanh T.

*** Trả lại:** Bị cáo Trần Văn L số tiền: 5.100.000đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 chiếu cói

- 52 quân bài tú lơ khơ

- 06 phong bì sau khi mở niêm phong đối với số tiền 20.940.000đồng (Hai mươi triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số: 21 ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Trần Văn L; Đỗ Văn D; Trần Đức N; Trần Văn T; Nguyễn

Văn V; Nguyễn Thanh S; Phạm Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Yên
- Cơ quan THAHS Công an huyện Văn Yên.
- Bộ phận HSNV Công an huyện Văn Yên
- VKSND huyện Văn Yên
- VKSND tỉnh Yên Bái
- THADS huyện Văn Yên
- THA phạt tù (21)
- Các bị cáo (07)
- UBND xã Đ
- UBND xã C
- Lưu HSVA - TQĐ